

MỤC LỤC

Ai vô xứ Nghệ thì vô	5
Khu Năm – “khúc ruột miền Trung”	31
Kho của ở đồng bằng sông Cửu Long	60
Vườn hoa nước mặn	93
Rừng dừa Bình Định	117
Rừng cao su miền Đông Nam Bộ	136
Cà phê Xuân Lộc	148
Dứa ở U Minh	158
Suối nguồn Pác Bó	164
Yên Tử	175
Sông Tô Lịch	184
Đất Vũ Ninh, Kinh Bắc và Hà Bắc ngày nay	194
Cúc Phương – bài thơ thiên nhiên	214
Huế đẹp và thơ	229

AI VÔ XỨ NGHỆ THÌ VÔ

Không biết từ bao giờ câu ca dao ấy vang lên như một lời chào mời đầy tự hào về mảnh đất quê hương xứ Nghệ?⁽¹⁾ Một quê hương đất rộng người đông, phong cảnh đẹp tươi hùng vĩ, lòng đất và lòng biển chứa nhiều của cải thiên nhiên giàu có, mà lòng người cũng rất mực đôn hậu, anh hùng.

*Đường vô xứ Nghệ quanh quanh
Non xanh nước biếc như tranh họa đồ.*

Từ thủ đô Hà Nội về Nghệ An đi mất ba trăm ki-lô-mét. Riêng Nghệ An từ đầu này đến cuối kia theo chiều bắc nam dài 153 ki-lô-mét, từ đông sang tây chỗ rộng nhất là 185 ki-lô-mét. Một tỉnh to rộng nhất nhì miền Bắc với diện tích 18.300 ki-lô-mét vuông và số dân trên một triệu rưỡi người. Nhưng không phải vì đường xa đất rộng mà ta thấy “Đường vô xứ Nghệ quanh quanh...” Cái cảm giác quanh quanh ấy chính là do cảnh Nghệ An có rừng có

(1) Xứ Nghệ là vùng đất gồm Nghệ An, Hà Tĩnh. Trong bài này chúng ta về thăm tỉnh Nghệ An, còn tỉnh Hà Tĩnh để một dịp sau.

biển, sông lớn, sông con, cánh đồng bát ngát tiếp núi non trùng điệp, thay đổi luôn luôn theo bước chân người đi, ngoạn mục như tranh vẽ.

Về Nghệ An ta có thể được ngắm những đồng lúa trải ra như tấm thảm vàng của Quỳnh Lưu, Yên Thành, Diễn Châu, Nghi Lộc, Hưng Nguyên..., rồi bỗng nhiên có khi tầm mắt ta dừng vào một ngọn núi không cao lắm, với những hàng thông chạy từ chân núi lên đỉnh in bóng xanh thẫm trên nền trời. Từ núi Thiết Sơn và Cầu Cắm đi vào, Nghi Lộc có những vườn cam Xã Đoài nổi tiếng. Cam Xã Đoài quả tròn, vỏ mỏng căng, màu vàng sậm, cầm nặng đầm tay, cắt ra nước chảy ròn, ngọt đậm và thơm, dính vào dao như nhựa. Đúng như một nhà thơ đã miêu tả:

Cam Xã Đoài mọng nước

Giọt vàng như mật ong

Bổ cam ngoài cửa trước

Hương bay vào nhà trong.

- Mùa cam trên đất Nghệ -
của Phạm Tiến Duật.

Về mùa thu ở vùng này, cũng vào vụ lúa chín vàng, chim cu bay về cất tiếng gáy nồng nàn gọi nhau trong những lùm cam. Khách bộ hành ra đi từ mờ sáng, khi bầu trời ở đẳng đông mới bắt đầu chuyển sang màu tím nhạt, làn gió mát dịu dịu còn nồng ấm hơi sương ngọn cỏ, bỗng thấy từ đâu bay vọt lên những đàn chim én thân hình

thanh nhẹ và đen nhạt. Từng cặp chim sải cánh như những mũi tên, vút lên trời cao tít rồi buông mình là là như ngây ngất tận hưởng tất cả khoảng không rộng lớn tự do, đắm mình trong khí trời tinh khiết buổi sáng sớm, và từ trên cao nhìn ngắm cuộc sống đang bừng dậy dưới chân mình. Về Thanh Chương, vào giữa vùng Xô viết năm nào, phong cảnh mang một màu xanh thẫm, vừa óng ả vừa hùng vĩ. Màu xanh như ngọc bích của dòng sông Rộ không rộng lắm, uốn khúc giữa đồng cao đồng thấp, phơi giữa trời nắng lấp lánh như gương. Có khi dòng sông lại rập mình ẩn kín trong lùm cây như một khe suối đến bến Rộ đổ ra sông Lam, nhập vào dải nước rộng mênh mang dường như không chảy. Màu xanh của cây lá rậm rạp như rừng ngay trong vườn quanh nhà, với những tàu lá cọ xò ra xanh biếc và to rộng. Nhà ở dưới lùm cây này về mùa hè mát rượi, đang bữa ăn nhìn ra có thể bất chợt thấy một chú sóc đuôi dài cong phất phất như cò đang nhảy nhót trên cây. Thế nhưng, ra khỏi nhà là đồng rộng, lác đác một đôi ngọn đồi nhô lên. Những con cò ở đâu đó thích về đậu trên ruộng, con trắng con nâu; khi tất cả bay vù lên dang rộng cánh thì thành một đám trắng toát lấp loáng trên trời nắng. Ở Thanh Chương không thể quên được “nhút Thanh Chương”, cũng như về Nam Đàn là nhớ “tương Nam Đàn”. Nhút Thanh Chương là một thứ dưa tổng hợp gồm xơ mít non, hoa chuối thái, ngọn cây đậu, muối vừa độ chín ăn giòn, thơm, hơi chua chua pha vị ngọt. Tương Nam Đàn bằng gạo nếp và đậu nành xay, khi chín

vàng nục, chan cơm không cần thức ăn cũng ngon. Nghệ An có những vùng rừng rậm, núi cao chạy sát đến nước Lào anh em trên một dải biên giới dài 368 ki-lô-mét, có ngọn núi Pu Xai Lai Leng ở Kỳ Sơn cao đến 2.711 mét (ngọn núi cao nhất ở nước ta là Fansipan cao 3.142⁽¹⁾ mét). Từ Thanh Hóa vào, trong thời chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ, muốn tránh đường số 1 có thể đi đường 15B qua Nghĩa Đàn, và cũng có thể đi đường 15A vòng cao, xa hơn nữa. Con đường 15A này dài gấp rưỡi và hun hút trong rừng sâu dẫn vào những nông trường và lâm trường khai thác gỗ, có những đoạn ô tô nảy chồm lên trên những tảng đá lớn. Phủ Quỳ⁽²⁾ là miền đất đỏ ba-dan⁽³⁾ có độ mùn lớn, tầng đất dày. Có chỗ đất ba-dan đỏ tím, xốp và màu mỡ đến mức có cảm tưởng nấu cháo ăn được. Chuối trồng ở đây to bằng cổ tay, dứa độc bình bằng cái giành. Chín nông trường của trung ương trồng cao su năng suất 10 tạ khô một héc-ta, cà phê 5 tấn hạt một héc-ta, những rừng cam rộng bạt ngàn trĩu quả. Ở đây đang xây dựng khu kinh tế mới do trung ương chỉ đạo nằm trong các huyện Nghĩa Đàn, Tân Kỳ, Quỳ Hợp, sẽ tập trung hàng vạn thanh niên, có thành phố và nhà máy liên hợp, mở ra một khả năng lớn của kinh tế miền núi. Từ rừng cao, ta cứ hướng đông mà đi ra đến biển. Cửa Lò là nơi nghỉ

(1) Bài được viết năm 1975. Vị trí cao nhất của đỉnh Fansipan đo được hiện nay là 3.147,3 mét.

(2) Phủ Quỳ là một địa danh thường gọi trước đây, về địa giới hiện nay gồm hai huyện và một thị xã là huyện Nghĩa Đàn, huyện Quỳ Hợp và thị xã Thái Hoà, tỉnh Nghệ An.

(3) Đất do vật chất từ các miệng núi lửa trào lên và lan ra, lâu ngày nát vụn thành đất đỏ.

mát có bãi tắm rộng, rừng phi lao, làng chài lưới, với cửa sông Cấm đổ ra biển, thuyền bè tấp nập. Tắm biển, rồi ăn tôm he, cá mực. Không đến Cửa Lò, ta cũng có thể đến nghỉ mát ở nhiều làng dọc bờ biển các huyện Quỳnh Lưu, Diễn Châu, Nghi Lộc, cảnh đẹp, người lại rất hiếu khách. Ở đây còn có thể đi thăm các di tích lịch sử, nghe kể nhiều chuyện hay thời đánh Mỹ của một miền biển luôn đung đầu với giặc... Và ta có thể về Diễn Châu thăm bãi sò vốn hình thành từ đáy biển ven bờ, nhưng do mặt biển rút thấp xuống hay bờ biển được nâng cao lên mà ngày nay nằm giữa nội địa, trong khoảng mười lăm cây số từ Đền Cuông đến sông Bùng. Đất sò nằm dưới đất là đất mềm, đào lên đểo từng viên vuông vắn, phơi khô cứng lại như đá. Những người thợ đá ở đây rất khéo tay, xưa kia thường dùng đá này xây đền đài miếu mạo, tạc cả những con ngựa, con voi đá đặt ở các đền chùa.

Về Nghệ An, lên rừng xuống biển, đi đâu cũng phải qua những dòng sông. Con người ở đây hát:

Sông là mẹ, núi là cha

Đất là con để nở hoa khắp trời.

Từ Bắc vào, Nghệ An có sông Hoàng Mai chảy ra cửa Cồn, sông Quèn – cửa Quèn, sông Giát – cửa Thới, sông Bùng – cửa Vạn, sông Cấm – cửa Lò, sông Lam – cửa Hội. Kênh nhà Lê nối liền các sông đó, đi từ Thanh Hóa vào tận Cửa Hội. Con sông Lam dài 523 ki-lô-mét, thứ ba miền Bắc, sau sông Hồng và sông Đà, xưa gọi “Thanh Long giang” như hình con rồng xanh uốn khúc. Có thể

nói không mấy người Nghệ An không từng soi bóng mình trên dòng sông Lam và gửi niềm vui buồn với dòng sông đó. Sông Lam đã đem phù sa bồi đắp các cánh đồng, làng xóm. Những buổi sớm mặt nước còn mờ hơi sương, cô gái bên sông thon thả quảy đôi thùng qua bãi khoai xanh tốt xuống dòng sông. Bàn chân giẫm trên cát mịn, cô khỏa nước cười ngấm khuôn mặt mình rung rinh trên nền trời tím tím, vuốt một sợi tóc rồi vục nước quảy về. Mặt Trời lên rắc ánh bạc xuống dòng sông, gợn lên từng ngấn lăn lăn sáng rực. Mặt sông trải rộng, hiền hòa mà đường bệ, thu vào lòng mình hình núi sắc trời, như một thế giới kì ảo. Bờ bên này núi Ngọc cao vút lên, con đường cái ô tô chạy ven chân núi, vách sông như thành đá dựng đứng, sóng vỗ ầm ào. Dọc bờ bên kia, dải cát vàng thoai thoải, bãi ngô khoai xanh mướt, con đường ven sông với những hàng cau thẳng vút đều tăm tắp. Con sông Lam chảy trên quê hương, trong lịch sử, trong cuộc đời người dân xứ Nghệ. Hơn nghìn năm trước, Mai Hắc Đế đã xây chiến lũy Vạn An một đầu dựa vào núi Đụn, một đầu đến sát bờ sông Lam. Sông Lam soi bóng dãy Thiên Nhẫn và cờ xí nghĩa quân Lê Lợi, là địa bàn hoạt động của Phan Đình Phùng, chốn đi về của nhà thơ lớn Nguyễn Du. Mặt sông này đổ rực cờ búa liềm những ngày Xô viết 30-31: Đình Phúc Sơn, đồn điền Ký Viễn, cây đa Diên Tràng, rú Nguộc, Đình Võ Liệt, chợ Rộ, Thái Lão, cột đèn Bến Thủy... Và đây, những trận địa anh hùng thời đánh Mỹ, đập Đô Lương, đồi Rừng còn in hình dáng liệt sĩ Nguyễn Thế Tư chết

trong tư thế đứng bắn, đập Nam Đàn, núi Quyết, phà Bến Thủy, Làng Đỏ... Con sông Lam hiền hòa mà anh dũng, tự do và bất khuất, từ xưa vẫn là tấm lòng đất nước, là gương soi cuộc sống con người:

*Ai biết nước sông Lam, rằng là trong là đục⁽¹⁾
Thì biết sống cuộc đời rằng là nhục là vinh
Thuyền em lên thác xuống ghềnh
Nước non là nghĩa là tình, ai ơi...*

Nước non ấy, quê hương ấy đã sản sinh những anh hùng dân tộc chói ngời lịch sử: Phan Bội Châu, Hồ Chí Minh. Phan Bội Châu, người anh hùng chống Pháp lớn nhất trước khi có Đảng của giai cấp công nhân, quê ở làng Sa Nam, huyện Nam Đàn. Hồ Chí Minh, Bác Hồ yêu quý của chúng ta, quê ở xã Kim Liên cùng huyện. Về Nghệ An có cảm giác cũng như về đất tổ, thế nào cũng phải về thăm quê Bác, thăm ngôi nhà ngày xưa Bác ở, hàng rào râm bụt, cây bưởi cây ổi trong vườn, những đồ đạc rất đơn sơ trong nhà: tấm phản, cái chõng tre, bàn thờ tổ tiên, thạp gạo... Trong làng cũng lũy tre, ao cá, trường học dưới lùm phi lao, cảnh phong quang sạch sẽ. Tại khu lưu niệm nổi lên nhà bảo tàng Kim Liên đồ sộ, rực rỡ, với thêm đá hoa, đường lát sỏi. Từ đó qua một cánh đồng đến núi Chung, thuở nhỏ Bác thường theo bạn chăn trâu lên núi chơi đùa. Đứng trên núi Chung, có thể thu vào tầm mắt cả cảnh tượng vùng này: cánh đồng Nam Đàn, quê

(1) Rằng: thế nào (tiếng địa phương).

Phan Bội Châu, núi Đại Huệ, núi Đụn, dòng sông Lam, và dãy Thiên Nhãn xa xa. Về đây ta càng hiểu thêm mảnh đất quê hương và căn nhà nhỏ từ đó cậu bé Nguyễn Sinh Cung⁽¹⁾ đã lớn lên. Cụ phó bảng Nguyễn Sinh Sắc, thân sinh cậu Cung, xuất thân nghèo khổ, có chí học và giàu lòng yêu nước. Còn cậu Cung từ nhỏ đã sẵn lòng thương người, đi mót lúa được nhiều, thấy bạn đói cho luôn. Chị Thanh thấy em về không, tưởng em lừa liền truất cơm, cậu cũng chẳng cần. Về đây được nghe những mẩu chuyện nho nhỏ hai lần Bác về thăm quê, ta càng hiểu sâu Bác của chúng ta hết sức vĩ đại và cũng rất đời bình dị, gần bó với gốc rễ quê hương bền vững lạ lùng. Lần đầu về quê năm 1957, sau hơn năm mươi năm trời xa cách trở lại nhà mình, Bác không đi vào “cổng mới” do ban bảo tàng phục chế, mà đi vòng hàng rào đến đúng chỗ cổng cũ ngày xưa Bác vẫn nhớ. Chắc hẳn những năm lưu lạc nước ngoài, Bác vẫn thường mơ đến quê nhà. Bàn thờ nhà ông Sắc được Bộ Văn hóa làm lại đẹp quá, Bác bảo: “Không sang thế đâu!” Bác về nhà mà không đến thăm ai trong họ hàng nội ngoại, có người thắc mắc. Nhưng rồi ai cũng hiểu Bác là của cả nước, không có thời giờ đến thăm riêng ai được, nhưng Bác lại nhớ đến những người nghèo khổ nhất. Khi Bác hỏi: “Cố Lương đâu?”, anh em ngớ ra không ai biết. Bác nhắc: “Người khổ nhất làng ta ngày xưa đấy!” Bây giờ anh em mới nhớ, báo cáo với Bác chỉ còn con

(1) Tên Bác lúc mới sinh.



của cố. Bác đến thăm nhà con cố Lương. Bác hỏi tỉ mỉ: Có nồi đồng không? Có mâm thau không? Có kiềng sắt không? Chum đựng khoai hay lúa?... Thấy nhà rộng ba gian, có đủ cả vật dùng, không còn dấu vết túp lều cố nông lụp xụp ngày xưa nữa, Bác rất vui lòng. Mỗi dấu tích, mỗi bước đi của Bác ở đây là cả một kho tàng phong phú của tâm hồn Hồ Chí Minh cho chúng ta suy nghĩ và học tập.

Có người tưởng Nghệ An là đất “cần cỗi”, thiên nhiên khắc nghiệt. Đã có lần một nhà văn miêu tả cái gió Lào của Nghệ An quá khủng khiếp. Nói cho đúng, dải đất rộng lớn nhiều vùng phức tạp khác nhau này không phải không có nơi khắc nghiệt, không thiếu những vùng đất cao chồm hạn là khô nê; những miền đất cày lên sỏi đá hoặc chua mặn. Trong nhiều năm, năng suất lúa ở nhiều nơi chưa lên được mấy. Ở gần Vinh, gió Lào giữa mùa hè lồng lên như những đàn ngựa dữ thả cương, cuốn theo cát bụi nóng như rang, và nếu không cẩn thận nó sẽ đưa ngọn lửa vù vù liếm vệt một góc làng, góc phố trong nháy mắt. Gió Lào không phải bao giờ cũng nóng. Rất nhiều ngày gió mát lòng như đi biển. Nhưng nó thật là ngọn gió mạnh, phóng khoáng, những tảng người mạnh mới chịu được nó và ưa nó.

Nghệ An không phải thiếu những cánh đồng màu mỡ, nhất là với kỹ thuật mới ngày nay trong cuộc “cách mạng xanh”⁽¹⁾. Huyện Yên Thành là một vựa lúa. Cùng với Yên Thành nổi lên một khu vực lúa nữa: Quỳnh Lưu.

Theo đường số Một đến Cầu Giát, khách qua đường sẽ thấy một cánh đồng lúa tốt ngồn ngộn, những hạt vàng quây dày như nong thóc. Đó là cánh đồng xã Quỳnh Hồng. Có những mùa gặt, cánh đồng như mở hội. Các đoàn tham quan các huyện bạn trong tỉnh, cả Thanh Hóa

(1) “Cách mạng xanh”: chỉ cuộc cách mạng hiện nay trong nông nghiệp (chú ý giống lúa mới và các biện pháp kỹ thuật).

vào, Hà Tĩnh ra, lượn đi lượn lại như rồng rắn. Các lớp học sinh quần xanh áo trắng, khăn quàng đỏ, đánh trống ếch cổ động kéo về Quỳnh Hồng. Có cả những ông bà già ở các xã từ xa trong huyện, không vào đoàn nào cả chỉ theo tiếng đồn mà đến. Các cụ muốn được tận mắt nhìn cây lúa Quỳnh Hồng. Về nhà, các cụ hào hứng khoe rằng: “Cái giống lúa mới tốt thật, nhìn lại cây lúa mình ngán quá!”

Một tháng lợi rục rở bao giờ cũng có những năm tháng chuẩn bị âm thầm cho nó. Tháng 1 – 1968, giữa cuộc chiến tranh phá hoại ác liệt của giặc Mỹ, có một đoàn cán bộ Nghệ An vượt bom đạn ra Thái Bình học làm lúa xuân. Trong đoàn có Anh hùng lao động Hoàng Quốc Đông chủ nhiệm hợp tác xã Hồng Sơn⁽¹⁾. Hoàng Quốc Đông giữ kín không để lộ mình là Anh hùng lao động. Suốt sáu tháng trời, hằng ngày anh chăm chỉ ra đồng “như cách anh mới học cày”, hỏi han từng bà già, em bé, coi tất cả là thầy mình. Cho đến khi anh thuộc từng cánh đồng, từng gốc lúa, nhớ in trong lòng cái màu xanh mỡ màng của biển bèo dâu, đêm nằm mơ những khóm lúa thấp lè tè khi mới cấy trông thật lạ mắt, mà đến mùa thì bông dày sin sít không thấy cây thấy lá. Ngày đoàn Nghệ An về, đồng chí Bí thư Tỉnh ủy Thái Bình Ngô Duy Đông ra tận ruộng trông coi các xã viên lựa những bông lúa to đẹp nhất cho đoàn đem về làm giống. Những hạt giống thấm tình hữu nghị ấy

(1) Anh Hoàng Quốc Đông được phong Anh hùng lao động nông nghiệp trong Đại hội anh hùng chiến sĩ thi đua miền Bắc năm 1967.

quả là những hạt giống khỏe, đã nở ra những mùa lúa mới bội thu trên đất Nghệ An này.

“Từ kém vươn lên hàng đầu”⁽¹⁾, đó là khí thế, là vinh dự của Quỳnh Lưu. Còn nhớ ngày nào đồng chí bí thư huyện ủy Quỳnh Lưu xắn quần chống gậy cùng cán bộ kĩ thuật đi đo đạc tính toán, rồi trở về phát động trong toàn huyện một phong trào tấn công phá nạn đói nghèo, bắt đầu từ thủy lợi. Các xã gửi con em mình lên công trường xây hồ chứa nước, mang theo “một cái cốc, một mo cơm, và một tấm lòng cộng sản”.

Sức con người đem đến cho thiên nhiên một khuôn mặt mới. Ở đây, đã hiện lên những hồ nước menh mông. Giữa đồi núi trập trùng, bên những ngọn đồi sỏi đá khô cứng, cỏ gianh xơ xác, một làn nước biếc trải ra dịu mát, duyên dáng, trong sáng như tấm lòng người dân Quỳnh Lưu đi vào cuộc sống mới. Những hồ rộng bao dung thu vào mình những con nước hưng dữ từng gây bao trận lũ trắng đồng thối lúa, biến chúng thành làn nước đầy ấp hiền hòa, để tưới hàng ngàn mẫu ruộng cao khô nẻ thành ruộng tốt hai mùa, đưa thêm lúa xuân và mùa xuân đến. Đó còn là những bể nuôi cá lớn. Những kì quảng chài đánh cá thật vui. Cá giã đành đập đầy thuyền và xếp đống trên bãi. Đến lấy cá, ngấm mặt nước long lanh dưới trời nắng tưởng như lạc vào một nơi nghỉ mát.

(1) Quỳnh Lưu năm 1963 còn bị phê bình vì sản xuất trì trệ, năng suất thấp.

Từng xã ở Quỳnh Lưu cũng tấn công cải tạo thiên nhiên như thế. Quỳnh Châu là một vùng đất cao khô cằn, bạc màu, nhiều lùm cây hoang dại. Nắng như đổ lửa, khi mưa thì trắng núi trắng rừng mà không hạt nước nào đậu lại. Đồng chí Bí thư Đảng ủy xã về huyện họp, cầm bát cơm giống lúa mới lên tay mà ứa nước mắt, không biết bao giờ xã mình trồng được lúa ấy. Nói đến làm giống mới, có người mỉa mai: “Đất Quỳnh Châu mà làm được lúa xuân thì cứ bắc kiềng lên bụng tôi mà thổi cơm.” Nhưng đồng chí Bí thư Huyện ủy lại bảo: “Quỳnh Châu treo nước lên núi mà làm lúa xuân.” Chấp hành chỉ thị đó, Đảng ủy xã đùm cơm vào núi, đi như đoàn địa chất, tìm địa hình đắp đập. Tìm được rồi, cả làng gánh gạo, khoai vào núi. Ngày đêm rộn lên tiếng choòng bẫy đá, tiếng xe trâu rậm rịch, cho đến khi hoàn thành con đê khổng lồ ngăn nước nổi hai mỏm núi. Nước về. Hàng nghìn đời nay Quỳnh Châu mới được soi mình trong biển nước trong xanh và tạo ngay năng suất nhảy vọt.

Nghệ An có thế mạnh hoàn chỉnh của ba vùng kinh tế: vùng rừng núi, vùng trung du bán sơn địa, vùng đồng bằng ven biển. Nghệ An có một dải rừng bát ngát vào loại giàu nhất nhì miền Bắc, với trữ lượng gỗ 50 triệu mét khối gồm đủ các loại gỗ quý: lát hoa, đinh, lim, sến, táu, trắc, gụ... Đây là nơi sinh sống của nhiều giống thú rừng: voi, hổ, báo, gấu, hươu, nai; là nơi tàng trữ nhiều loại khoáng sản: than, sắt, thiếc, ba-rít... Vùng trung du bán sơn địa



là đất trồng cây công nghiệp và chăn nuôi. Nghê An có một bờ biển dài 92 ki-lô-mét, có bốn bãi cá lớn với lượng cá 30 vạn tấn/năm, và những đồng muối ven biển sản xuất 35.000 tấn muối/năm. Đúng như lời đồng chí Lê Duẩn nói khi về thăm Nghê An đầu xuân 1974, Nghê An là “hình ảnh cả nước thu hẹp lại”. Từ xưa, cuộc trường kì kháng chiến của Lê Lợi cũng đã lấy Nghê An, “nơi hiểm yếu đất rộng, người đông”⁽¹⁾, làm bàn đạp tiến lên giải phóng cả nước.

Tổ tiên ta xưa đã đặt chân trên dải đất này từ những ngày đầu dựng nước. Nhiều di tích khảo cổ khai quật ở Nghê An, như di chỉ Làng Vạc với những trống đồng cân đối chạm khắc các hình con chim lạc, con bò đực bò cái, hạt lúa, cái thuyền và cảnh bơi chèo giống như trống đồng Ngọc Lũ ở Nam Hà, chứng tỏ cơ nghiệp các triều vua Hùng từ xưa đã mở xa đến tận mảnh đất Nghê An này.

Suốt bốn nghìn năm dựng nước và giữ nước, Nghê An đã gắn chặt cuộc sống của mình với số phận chung của đất nước, chia sẻ những bước thăng trầm, những niềm vui buồn của dân tộc. Trên con đường cái lớn từ Bắc vào Nam (nay là quốc lộ số 1), khách đi đường qua Diễn Châu thấy ngay một ngôi đền cổ kính đứng cao trên một ngọn núi ven đường. Đó là Đền Công trên núi Mộ Dạ, thờ Thục An Dương Vương. Bị Triệu Đà đánh bại, An Dương Vương đã

(1) Lời nhận xét của Nguyễn Chí, một tướng chỉ huy xuất sắc của Lê Lợi. Nguyễn Chí đã từng lãnh đạo khởi nghĩa địa phương vùng Nam Thanh Hóa – Bắc Nghê An, rồi đem nhập nghĩa quân Lê Lợi.

phi ngựa vào đến đây, giết My Châu rồi trảm mình xuống biển. Ngôi đền khá lớn qua bao năm tháng phủ màu rêu xám đứng sừng sững lưng núi trông xuống mặt đường. Phảng phất như linh hồn cha ông ngự đó trông xuống con đường xương sống của Tổ quốc, nhắc nhở một bài học cảnh giác trong cuộc đấu tranh quyết liệt với mọi quân thù xâm lược.

Thời Bắc thuộc ở Nghệ An có cuộc khởi nghĩa Mai Hắc Đế năm 722. Mai Hắc Đế là con một bà mẹ nông dân tỉnh Hà Tĩnh lưu lạc đến Nam Đàn. Người đen, chân tay to lớn, rất khỏe, nổi tiếng giỏi vật một vùng. Phải đi phu phục dịch bọn quan lại nhà Đường, ông cầm đầu mấy trăm phu nổi dậy, rồi nhanh chóng phát triển lực lượng khắp các châu Hoan, Diễn, Ái (Thanh-Nghệ-Tĩnh). Mai Hắc Đế xây thành Vạn An ở Rú Đụn thuộc Nam Đàn làm căn cứ, đánh ra Bắc giải phóng cả nước, thế lực nghĩa quân lên tới hàng chục vạn người. Cuộc khởi nghĩa bị đàn áp, nhưng tinh thần quật cường của người anh hùng sống mãi:

*Hùng cứ châu Hoan đất một vùng
Vạn An thành lũy khói hương xông
Bốn phương Mai Đế lừng uy đức
Trăm trận Lý Đường phục võ công...⁽¹⁾*

Bên bờ sông Lam cách thành phố Vinh chừng mười ki-lô-mét có một ngọn núi cao từ thành phố nhìn rõ là

(1) Trích dịch một bài thơ chữ Hán ở đền thờ Mai Hắc Đế tại Rú Đụn (Rú: tiếng địa phương có nghĩa là núi).

Rú Thành. Trên núi còn dấu tích thành xây bằng đá của tướng giặc Minh, Trương Phụ⁽¹⁾. Dưới chân núi có chùa Yên Quốc và đền Nghĩa Liệt thờ Nguyễn Biểu. Ông là sứ giả vua Trần Trùng Quang⁽²⁾ phải đến thương lượng với Trương Phụ. Giặc dọn cho ăn một mâm cỗ đầu người để uy hiếp tinh thần. Thấy ông vẫn điềm nhiên, chúng liền trói ông dưới chân cầu. Thủy triều càng dâng cao, tiếng chửi mắng quân xâm lược của ông càng sáng khoái. Nước ngập đến miệng ông vẫn còn ung dung vạch tội chúng. Nhân dân quanh vùng nhìn ông hi sinh hết thảy đều rơi nước mắt.

Bên kia sông Lam, bờ hữu ngạn, dãy Thiên Nhãn “một nghìn ngọn núi” chạy dọc Nam Đàn đến Thanh Chương. Những ngọn núi đầu cao đầu thấp; đầu thấp bầu bầu như mông ngựa, đầu cao như cổ ngựa cất lên, xếp thành lớp lớp như hình đàn ngựa phi.

*Núi Thiên Nhãn đứt rồi lại nối
Trông như đàn ngựa ruổi chạy quanh...⁽³⁾*

Vùng hiểm yếu đó là nơi đóng quân của Lê Lợi. Lê Lợi đã xây dựng ở đây cả một chiến lũy dựa vào thế núi hiểm trở có sông Lam làm phân giới, chống quân Minh đóng ở

(1) Giặc Minh mượn thế diệt nhà Hồ sang xâm lược rồi đặt nền đô hộ trên đất nước ta vào đầu thế kỉ 15. Ở Nghệ An, chúng xây thành đóng quân ở đây gọi là thành Nghệ An, hoặc còn gọi là Lam Thành.

(2) Một trong những người khởi nghĩa đầu tiên chống giặc Minh (1409 – 1413), trước cuộc kháng chiến của Lê Lợi.

(3) Thơ La Sơn phu tử, một nhân sĩ người Hà Tĩnh thời Lê Mạt về ở ẩn trong núi Thiên Nhãn.